

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Nghĩa: năm thừa nghĩa, một âm.

Nghĩa: năm thừa Trước tựa kinh nêu đại ý một trận mưa một đám mây, giáo tuy có muôn điều khác nhau nhưng cuối cùng chỉ nêu nhất đạo, đạo sở biểu không hai giáo năng biểu cũng một, chỉ thuận theo năm thứ căn tình nên có năm thừa giáo khác nhau. Đã tùy vật nói: năm thì năm thừa đều quyền, năm thừa đã quyền thì dùng không có năm thừa làm thật, để đối phá năm bệnh cho nên dùng không có năm thừa làm thật. Nhưng năm đã không thật thì không năm cũng quyền, cho nên hề liên quan đến danh ngôn đều là chẳng rốt ráo, chỉ vì dần dần dẫn dụ chúng sinh cho nên khai năm không năm đến khi đắc đạo tịch lặng thì làm gì có năm không năm ư!

Hỏi: Nếu năm thừa đều là quyền, thì trước vì sao nói Nhị thừa là quyền, Phật thừa là thật ư? Cho nên nói chỉ có một sự thật này còn hai thứ khác chẳng phải chân ư?

Đáp: Nghĩa môn đều có khác, trước y cứ Ba thừa phân biệt có không để nói quyền thật, chính muốn bác bỏ bệnh Nhị thừa cho nên nói Phật thừa thật có Nhị thừa là giả đối không có. Vì sao? Vì người Nhị thừa cho rằng Nhị thừa và Phật thừa đều là thật có, nên đây bác bỏ cho là Nhị thừa không có nên xin, Bồ-tát thừa là có nên không xin. Nay nói không có năm là căn cứ chánh đạo trông mong, pháp ấy không thể chỉ bày không hề có năm hay không có năm ư? Nói năm không năm ấy đều là tùy vật nói đều là quyền.

Hỏi: Đạo thật chẳng phải năm không có năm, năm không năm đều là quyền, vì nhân duyên gì mà không năm xin ư?

Đáp: Nếu biết đạo chẳng phải năm không năm mà nói năm không năm đều là quyền, người này không xin, không biết quyền thật như thế cũng có nghĩa năm xin.

Kế là nói về danh nghĩa: Hỏi: Không nên có năm thừa mà chỉ nên có hai: trời người là thừa thế gian, ba thứ còn lại là thừa xuất thế gian, lại nên làm hai thừa: Phật là thật thừa, bốn thứ còn lại là quyền thừa, Phật là thừa đệ nhất nghĩa, bốn thứ còn lại là thừa thế tục. Như Thắng-man nói: Phật là quả thừa bốn thứ còn lại là nhân thừa. Lại nên làm Ba thừa: thừa trời người là hạ thừa, Nhị thừa là Trung thừa, Phật thừa là Thượng thừa. Lại thừa trời người là thừa ra khỏi ba đường, Nhị thừa là thừa ra khỏi ba cõi, Phật thừa là thừa vượt qua năm trăm do-tuần, lại trời người gọi là thừa không dứt phiền não, Nhị thừa gọi là thừa dứt

phiền não, Phật thừa là thừa phi đoạn phi bất đoạn, khác nhau phạm phu cho nên phi bất đoạn, khác nhau Nhị thừa nên phi đoạn. Như Tịnh Danh nói: Không dứt phiền não cũng không có phiền não, vốn không có cho nên không thể đều có, nay chẳng phải không nên không chỗ đoạn. Đại thừa giáo trước Pháp Hoa và Pháp Hoa cũng có nghĩa này, trong Ba tạng không nói điều này. Lại phạm phu gọi là thừa không dứt, Phật gọi là thừa dứt, Nhị thừa vừa dứt vừa không dứt, đối với phạm phu nên nói đoạn ít phần, so với Phật cho nên gọi là chưa dứt, là chung cho xưa nay. Lại trời người gọi là thừa phạm phu, Nhị thừa gọi là thừa Thánh, Phật gọi là thừa phi phạm phi Thánh, lại phạm phu gọi là hữu thừa, Nhị thừa gọi là không thừa, Phật gọi là thừa Trung đạo, đây là ý giáo Đại thừa. Lại phạm phu là thừa mê đắm sinh tử, Nhị thừa là đắm chấp Niết-bàn, Phật gọi là thừa vô sở trước, cũng là ý Đại thừa giáo.

Lại lẽ ra có bốn thừa: Như Thắng-man có bốn trọng trách gánh vác bốn trăm ức loại châu bốn Đại bảo tạng cho nên đều là ý của giáo Đại thừa dùng Đại thừa giáo biệt có đại địa, năng giữ gìn bốn tạng. Nay vì sao không hai không ba không bốn mà lập năm thừa ư?

Đáp: Thật đầy đủ các nghĩa trên tức dùng nghĩa này nhiếp năm thừa. Nhưng nay nói năm, đây là Như lai dẫn xả bỏ pháp môn cho nên lập năm, nay chọn phẩm Tánh Khởi kinh Hoa Nghiêm để trình bày đại ý năm thừa. Như kinh chép: ba đường ác khổ nghĩa là đường ác dân khổ, vua Diêm la khổ thì vua đường ác khổ, do đó trong ba đường đều là khổ nhóm họp. Muốn bỏ khổ này phải tu năm giới, năm giới nhân duyên thì được thân người, cho nên nói năm giới là nhân thừa, nhưng loài người độn căn tuổi thọ ngắn vui ít khổ nhiều, muốn lìa việc đây phải tu mười điều thiện, nhân duyên thập thiện thì chiêu cảm quả báo cõi trời gọi là thiên thừa. Kế là nói ba cõi đều khổ vô thường phá hoại như viên sắt nóng là nơi không đáng vui, vì thoát khổ này mà nói thừa Thanh văn, nhưng người Thanh văn từ khác nghe pháp ở địa vị đệ tử, ngoài không có tướng hảo trong trí tuệ không sâu. Riêng ở một mình nơi vắng lặng không có thầy tự ngộ phước đức lợi căn gọi là Bích-chi-phật, vì nói Duyên giác khiến xả bỏ Thừa Thanh văn, người Duyên giác tuy không có thầy tự ngộ mà trí còn chưa tròn đầy, trải qua kết tập không dứt, chỉ tu cho riêng mình, tâm từ bi mỏng manh, chỉ có Phật thừa cao nhất là vô thượng các đức này đầy đủ kết tập mất hẳn, tự lợi đã mãn rộng năng độ người, cho nên nói Phật thừa khiến xả bỏ Duyên giác. Nhưng trước muốn chỉ bày dẫn bỏ pháp môn cho nên nói năm thừa, những người thọ lãnh giáo không hiểu ý Phật, liền chấp chặt Ba thừa đều là rất ráo.

Hỏi: vì năm người nói năm, hay vì một người nói năm?

Đáp: Đây đủ hai nghĩa, như trong sông Hằng bảy người đầy đủ bảy, một người đủ bảy.

Hỏi: Xưa nay nói năm vì sao khác ư?

Đáp: Xưa nói năm thừa hai thừa là nói chưa cùng tốt, ba đã tốt ráo, nay nói năm, như Hoa Nghiêm nói dần dần xả bỏ pháp môn.

Hỏi: Trên nói Hoa Nghiêm trình bày ý xưa vì sao nay nói năm ư?

Đáp: Giáo nay trình bày, giáo xưa nêu ý.

Kế là nói khai hợp đồng khác: Hỏi: Luận nói năm thiện, Thắng- man nói về bốn tạng, Pháp Hoa ba cỏ hai cây vì sao có đồng khác ư?

Đáp: năm thiện: trời người là hai thiện, hai thừa làm một thiện, Phật Bồ-tát làm hai thiện. Do trời người ngũ giới thập thiện hơn kém khác nhau cho nên khai làm hai, Nhị thừa lợi độn là khác nhau mà trí đoạn, nghĩa ngang bằng nên hợp làm một, Phật cùng Bồ-tát muôn hạnh muôn đức nhân quả lên xuống nên khai làm hai. Năm thiện thì khai đại hợp Tiểu, năm thừa thì khai tiểu hợp đại, bốn tạng thì hợp phạm khai Thánh, năm thừa thì phạm Thánh đều khai. Đây đều là tùy duyên khác nhau không cần quanh co hợp.

Ba cỏ hai cây: Có người nói trời người là cỏ nhỏ hai thừa là cỏ vừa, ngoại phạm là cỏ lớn, nội phạm là cây nhỏ, Sơ địa đến Thập địa là cây lớn. Có người nói: nội phạm là cỏ lớn, Sơ địa đến Thất địa đều là cây nhỏ, Bát địa là cây lớn. Lời bình rằng: Vị nghĩa khó nói, nay dùng hợp thí dụ làm chánh, hợp hai cỏ thí như trước phân biệt. Hợp cỏ lớn rằng: Cầu ở chỗ Thế Tôn ta sẽ thành Phật, hành tinh tấn định, đó gọi là Cỏ lớn, đã xưng là Phật đạo quyết nên theo ngoại phạm địa vị Thập tín đến nội phạm ba mươi tâm, bốn mươi tâm đây đều là cỏ lớn. Vì sao? Vì chưa đắc vô sinh gốc trồng còn yếu nên còn gọi là cỏ. Lại đã dùng Nhị thừa thành cỏ vừa thì Địa tiền bốn mươi tâm đều thuộc Bồ-tát cho nên gọi là cỏ lớn. Sơ địa đến Lục địa gọi là cây nhỏ, Thất địa trở lên gọi là cây lớn.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Thích luận nói về vô sinh có hai địa vị: 1. Sơ địa; 2. Thất địa. Về sau thấy luận Pháp Hoa cũng nói Sơ địa vô sinh, Thất địa vô sinh, vô sinh đã hai, thọ cũng lệ theo như vậy.

Hỏi: Kinh này làm sao chứng Thất địa làm cây lớn ư?

Đáp: Thích luận nói vị ở Thất địa đắc vô sinh nhẫn đủ sáu thần thông, kinh này nói đắc thần thông lực, chuyển bất thoái luân cho nên hợp nhau.

Hỏi: Làm sao biết Sơ địa như cây nhỏ ư?

Đáp: Luận đã nói Sơ địa đắc vô thượng, kinh này lại nói các Phật tử quyết định không nghi, không nghi tức dứt đạo, do địa tiền phiền não chưa đoạn không được gọi là vô nghi. Lại người sơ quả so với Bồ-tát sơ địa, Sơ quả đã đoạn nghi nay Sơ địa cũng vậy. Lại Địa luận nói: Sơ địa gọi là vị quyết định, bốn đoạn này vẫn đều phù hợp nhau.

Kế là nói ba cỏ hai cây là nghĩa thứ lớp: Trời người là thế gian, cho nên dụ cây nhỏ, Nhị thừa là xuất thế gian nên dụ cho cỏ vừa, đây là từ thế gian đến xuất thế gian. Thập tín trở lên đến Thập hồi hướng trở xuống, đây là bốn mươi tâm tức là Đại thừa gọi là cỏ lớn, đây từ tiểu nhập đại. Đẳng địa trở lên Lục địa trở xuống gọi là cây nhỏ, đây là từ phàm phu đến Thánh. Thất địa trở Thập địa trở lại gọi là Cây lớn (cây lớn), đây là từ cạn đến sâu. Đâu là nhiếp chung phàm Thánh, tóm thâu trong Đại Tiểu, cho nên có thí dụ ba cỏ hai cây.

Âm nghĩa: Hỏi: Kinh nói một vắng mây một trận mưa tùy căn thọ nhận, cùng một âm nói pháp tùy loại khác nhau giải thích đây có gì khác nhau?

Đáp: Có đồng có khác: Như ý định mây mưa, như nói trong kinh nhân duyên nói về, nay lược nêu hai ý:

1) Dùng nghĩa vô tâm mà năng làm lợi ích khắp cả.

2) Muốn nói lên đồng một chánh đạo tùy căn thành khác. Một âm: Muốn nói ba việc mật của Như Lai bất khả tư nghì, phàm phu Nhị thừa không thể lường biết. Vì sao? Vì người địa vị thấp chỉ dùng một âm khiến duyên đồng nghe một, không thể dùng một âm khiến muôn loại khác nhau nghe, chỉ có Đức Phật mới có thể như vậy nên gọi là khẩu mật bất khả tư nghì.

Hỏi: Trên nói một âm cùng một trận mưa nghĩa khác nhau vì sao lại gọi là đồng ư?

Đáp: một đám mây một trận mưa đồng nói một giáo, chỉ được tùy căn thành ra khác, một âm cũng là nói lên nhất đạo, tùy loại có muôn khác nhau, đây là không khác vậy.

Hỏi: Vì sao gọi là một âm ư?

Đáp: Có người nói: Chỉ một pháp thân, pháp thân không hai nên gọi là một, từ một pháp thân xuất ra âm, dùng pháp thân đặt tên nên gọi là một âm.

Lời bình rằng: Đại Phẩm giải thích tướng hảo nói dùng một âm báo các thanh (tiếng) không nói pháp thân cho nên không giải thích. Có người nói: trong cùng lúc đều xuất ra các âm cho nên nói: một âm. Lời

bình rằng: Kinh chỉ nói một âm không nói các âm đều xuất nên cũng chẳng dùng. Có người nói thân là thân Thiên trúc, âm là âm Thiên trúc cho nên nói một âm. Lời bình rằng: Phật năng tùy phát ra một âm chẳng hạn cuộc nước Thiên trúc. Lại có người nói trong năm âm tùy dùng một âm. Lời bình rằng: Phật đã gá thác tích một phương thọ âm một cõi, năm âm nghĩa thông nên cũng chẳng dùng. Nay nói nghĩa này phần nhiều tóm lược bao gồm bốn thứ: Y phẩm Dược thảo nói một trận mưa lớn thấm nhuần khắp nơi, một vầng mây đầy bủa giăng trùm khắp, dụ cho Nhất thừa đại pháp âm cho nên gọi là một âm. Chỉ đại duyên ngộ đại cho nên gọi là Đại, tiểu duyên ngộ tiểu, tiểu không gọi là Đại, cho nên gọi một âm là chủ của một Đại thừa âm.

Hỏi: Vì sao Tiểu không gọi là Đại?

Đáp: Như nói đại bát Niết-bàn mà đạo thành La-hán, kinh Duy ma nói rộng về tịnh cõi nước Phật mà thủ chứng Tiểu thừa, các thứ như vậy gọi là tiểu duyên, nghe đại mà không gọi là Đại nên gọi một âm chính chủ ở đại.

Hỏi: Kinh này vì sao một âm biến thành chủ của đại ư?

Đáp: Muốn nói lên chỉ có một thừa không có năm thừa cho nên một âm chủ Đại thừa.

Hỏi: Làm sao biết một âm biến thành chủ đại ư?

Đáp:

1) Kinh nói một vầng mây lớn, một trận mưa lớn cho nên biết chủ nhất Đại thừa âm.

2) Như Tịnh Danh nói về: một âm Như lai nói pháp mà muôn loại chúng sinh khác nhau đều hiểu.

Hỏi: Đây là căn cứ một âm nào? Đáp: Đã nói Phật dùng một âm nói pháp tức là Phật âm, Phật âm là một Phạm âm.

Hỏi: Vì sao làm chủ một Phạm âm?

Đáp: Căn cứ một phương hóa tích gửi hình ở Thiên trúc được báo Phạm âm, do đó một âm chủ Phạm âm.

Hỏi: Lời này xuất xứ từ đâu?

Đáp: Trong luận Tỳ-bà-sa có nói điều này, Đức Phật ở vườn Nai dùng một Phạm âm giảng nói Tứ đế, năm người thì nghe ngôn ngữ của người nói Tứ đế, tám muôn chư Thiên thì nghe ngôn ngữ của trời nói Tứ đế, Thổ thần, Dạ xoa thì nghe ngôn ngữ của Dạ xoa nói Tứ đế, nên xưng lên thông báo, lần lượt như vậy nghe đến cõi Phạm. Cho nên biết một âm làm chủ Phạm âm.

Hỏi: Vì là âm Phạm thiên cho nên gọi là Phạm âm như báo được

thiên nhân cho nên gọi là thiên nhân ư?

Đáp: Không đúng? Đây là một trong tám thứ âm thanh tịnh tối diệu nên gọi là Phạm âm chẳng phải âm Phạm thiên. Cho nên, Thích luận nói: Đức Phật sinh trong loài người thọ pháp của người nên là âm của người, nếu là âm Phạm thiên thì người không nghe cho nên biết chẳng phải.

Hỏi: Thích luận nói: Trong pháp Tiểu thừa thì không có bất khả tư nghì như sáu mươi kiếp nói kinh Pháp Hoa thời gian như trong bữa ăn, vì sao trong Ba tạng nói dùng một âm nói pháp tùy loại hiểu ư?

Đáp: Tiểu thừa tuy không có sáu mươi kiếp nói kinh Pháp Hoa bất khả tư nghì mà có năm thứ khác, khả tư nghì nghĩa là lực Phật, lực Rồng v.v... Nay một âm nói pháp tức là nói Phật bất khả tư nghì.

Kể là nói một âm không hẳn chỉ hạn cuộc Phạm âm, Như lai tùy phát xuất một âm có thể khiến cho các loại khác nhau đều nghe cho nên gọi là một âm. Lại một âm, người nghe tức là âm người, trời nghe tức là âm trời, chẳng phải trời chẳng phải người vậy, vì là thiên nhân âm nên gọi là nhiều, do chẳng trời chẳng người cho nên gọi là một, cho đến Thanh văn nghe tiểu, Bồ-tát nghe đại, mà thật âm chẳng có đại tiểu nên gọi là một.

Hỏi: Người nghe thì âm người, trời nghe thì âm trời mà âm thì chẳng phải trời chẳng phải người, cũng như một duyên nghe thì âm một, nhiều duyên nghe thì âm nhiều, mà âm chẳng một chẳng nhiều ư?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu vậy âm duyên nghe thì âm, chẳng âm duyên nghe thì chẳng có âm ư?

Đáp: Cũng vậy. Cho nên kinh chép: Đồng ngồi một chỗ mà có người nghe Phật nói pháp, có người thấy Phật im lặng. Như Triệu Sư nói: Tâm sinh nơi có tâm, tượng xuất nơi có tượng, tức là việc đó.

Hỏi: Nếu vậy vì sao trước nói chỉ một âm ư?

Đáp: Chính vì người địa vị thấp không thể dùng một âm khiến cho muôn loại khác nhau hiểu được, tức khen ngợi Phật có khả năng như vậy cho nên nói một âm.

Hỏi: Vì sao chỉ nói một âm mà khiến cho muôn loài khác nghe hiểu được?

Đáp: Hoa Nghiêm trước sau nói lược ba việc:

1) Đức Phật có khả năng xuất ra tất cả các âm thanh của số chúng sinh, người khác không thể được, chỉ Đức Phật mới có khả năng, cho

nên Đức Phật bất tư nghị.

2) Đức Phật có thể đối với một âm xuất ra các âm số chúng sinh nên tất cả chúng sinh đều có thể nghe. Đây là nói những người khác không thể trong một âm xuất ra tất cả âm được chỉ có Đức Phật mới có khả năng như vậy.

3) một âm nói pháp năng khiến tất cả chúng sinh đều nghe cũng không phân một âm thành nhiều âm, ngoài ra không thể như vậy, chỉ có Đức Phật mới được như vậy, đầy đủ ba nghĩa mà không hạn cuộc, dùng một bày ba đây đều là việc nói lên khẩu mật bất tư nghì của Phật, khẩu mật đã ba thân cũng như vậy.

Hỏi: Phẩm Tánh Khởi trong kinh Hoa Nghiêm nói: Đại Phạm thiên vương dùng chút Phương Tiện khiến chúng sinh trong Đại thiên đều thấy thân mình cũng không phân thân, nếu vậy những người khác cũng có thể làm được vì sao chỉ có Đức Phật thôi ư?

Đáp: Kia chỉ hạn cuộc cõi Đại thiên, Như lai biến hiện khắp pháp giới, kia thì có tâm tạo tác, đức Như lai thì vô tâm hóa vật. Lại Bồ-tát nhập Tam-muội, nhĩ xuất chánh thọ, quán nhãn vô sinh nói không phi hữu, người kia không thể như vậy được, làm sao sánh bằng Phật.

Hỏi: Bốn thứ biện một âm, trước nay nói lấy gì làm chánh?

Đáp: Thông đều đây đủ chỉ có Nhất thừa âm chính ở giáo này, ba thứ còn lại có cả xưa nay.

Hỏi: Đức Phật có hai thứ ánh sáng:

1) Thường quang: Nghĩa từ sơ sinh đến diệt độ thường tự có tức là tướng tượng phu sáng chói.

2) Phi thường quang: là Tùy thời mà thị hiện, một âm nói pháp khiến muôn loại khác nhau hiểu được, đó là thường âm hay là thị hiện?

Đáp: Trong tám mươi vẻ đẹp dùng một âm báo các thứ tiếng, nếu vậy đây là thường âm của Phật.

Hỏi: một âm nói pháp có bao nhiêu việc?

Đáp: Y kinh Tịnh Danh lược nêu ba thứ:

1) Đức Phật phát ra bất cứ một âm nào thì muôn loại khác nhau đều hiểu, chúng sinh trong sáu đường đều cho rằng Đức Phật đều đồng với ngôn ngữ họ.

2) Chỉ nói một pháp tùy nghĩa mà chúng sinh hành khắp, người ưa bố thí thì nghe bố thí, người ưa trì giới thì nghe trì giới, nhờ đó đều lợi ích.

3) Nói rõ sự là đồng mà vui buồn đều phát ra, ở đây có hai việc:

a) Như nói một pháp khổ, sinh bốn thứ tâm: Có người nghe khổ sinh sợ hãi, có người nghe khổ muốn thoát khỏi nên sinh vui mừng, có người nghe khổ tâm sinh xa lìa nhằm chán, có người nghe khổ thật biết là khổ, dứt trừ tâm nghi.

b) Nghe bốn thứ pháp sinh bốn thứ tâm, như nghe ba đường khổ thì sợ, nghe vui cõi trời, cõi người thì vui, nghe bất tịnh thì nhằm chán xa lìa, nghe nhân quả thì dứt nghi trong hai nghĩa ý trước là chính.

Phẩm Thọ ký nói nghĩa thọ ký.

Luận nói mười thứ nhân duyên vì người Nhị thừa thọ ký, như trước nói.

Hỏi: Nếu kinh này nói thọ ký vì sao Tịnh Danh rộng phá bỏ thọ ký. Lại kinh Tư Ích nói: Ta nguyện đời đời không nghe danh tự thọ ký. Đại Phẩm nói: Nếu trụ nơi A-bệ-bạt-trí và thọ ký đều là hý luận, nay vì sao nói thọ ký ư?

Đáp: Không trái nhau, người Bồ-tát nói có thọ ký có người năng thọ tức có kiến chấp nhân pháp, vì phá bệnh này cho nên nói vô ký, người Nhị thừa cho rằng mình không được thọ ký, chỉ Bồ-tát được thọ ký, vì người Nhị thừa cho nên nêu thọ ký, đây là mỗi pháp làm nhân môn.

Lại có hai để làm thế để nên nói có thọ ký, vì bậc nhất môn cho nên nói vô ký, hai lời đều thật. Đại kinh nói vô ký, đây là nói về ký vô sở ký, nay nói ký ấy là vô sở ký nên gọi là ký. Bát-nhã nói vô sở đắc tức là đắc, do đó đắc vô sở đắc. Chỉ vì thọ ký có hai thứ, ba thứ, bốn thứ, sáu thứ, tám thứ, chín thứ, mười thứ.

Hai thứ: là có tám thứ hai thứ:

1) Nói hai thông, biệt: a) Nói thông ký: Như Phẩm Pháp sư nói: Nếu Phật tại thế và sau khi diệt độ nghe kinh Pháp Hoa một bài kệ một câu một niệm tùy hỷ đều được thọ ký. Vì sao? Vì chỉ có Nhất thừa không có các thừa khác, nên không có đường khác sẽ được thành Phật. b) Thọ ký riêng: Đối trước Phật thọ ký riêng kiếp số, như ba châu nói pháp người Ba căn được thọ ký.

2) Hai thứ: a) Chánh nhân môn thọ ký. b) Duyên nhân môn thọ ký. Chánh nhân môn thọ ký: Như Bồ-tát Thường Bất Khinh nói: Bốn chúng đều sẽ thành Phật, nhưng bốn chúng này chưa có tâm tin Nhất thừa, chỉ vì trong thân có Phật tánh ắt sẽ thành Phật. Luận Pháp Hoa giải thích phẩm Thường Bất Khinh: Tất cả chúng sinh thật có Phật tánh cho nên sẽ thành Phật. Duyên nhân môn thọ ký: như Phẩm Pháp Sư nói: Vì tin Pháp Hoa tức là duyên nhân, do đó chỉ nói hai thứ này.

Phật tánh như quả được sinh chỉ có hai thứ: a) Chánh nhân. b) Duyên nhân. Như sữa có tánh của lạc cần đủ hai nhân: sữa là chánh nhân, các phương pháp chưng cất là duyên nhân.

Chúng sinh có Phật tánh cũng có đủ hai nhân: a) Chúng sinh là chánh nhân. b) Nhờ tin hiểu các pháp làm duyên nhân. Do đó Pháp Hoa chỉ nói hai nhân. Luận Nhiếp Đại Thừa gọi duyên nhân là nhân dẫn xuất tức là liễu nhân. hai nhân Duyên chánh thọ ký rộng hẹp: Chánh nhân thì rộng, thiện ác v.v... tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nên nghĩa chánh nhân rộng, Duyên nhân chỉ chấp có tin hiểu tâm mới được Phật thọ ký nên hẹp.

3) Hai thứ chậm nhanh: Đại kinh chép: Nếu có chúng sinh thích hợp nghe nhanh thì thọ ký nhanh, thích hợp nghe chậm thì thọ ký chậm.

Hỏi: Nhanh chậm đây là thật thọ ký hay quyền thọ ký?

Đáp: Có đủ hai nghĩa: a) Thật thọ ký: Do Đức Phật thấy biết người kia trải qua nhiều kiếp tu hành thành Phật không bao lâu nữa cho nên mau được thọ ký, xét thấy người kia tu hành chưa nhóm chưa bao lâu nên thành Phật còn xa nên thọ ký chậm. b) Quyền thọ ký: Một là thấy chúng sinh này nghe Phật đạo lâu xa chịu cần khổ sinh tâm lui sụt nên thọ ký nhanh, nghe mau thọ ký nên tinh tấn mạnh mẽ tu hành hướng đến Phật, như người biết cách nhà không xa nên gắng sức mà tiến bước, hai là nghe mau thọ ký thì cho là Phật đạo dễ đắc, liền khởi tâm coi thường sinh biếng nhác, vì hạng người này nên chậm thọ ký để cho họ quý trọng Phật đạo mà tinh tấn.

Hỏi: Thật thọ ký có thể có lợi ích chân thật, hư thọ ký nên không có thật lợi ích ư?

Đáp: Như lai thật thọ ký cũng có thật lợi ích, hư thọ ký cũng có thật lợi ích, vì đều lợi ích cho nên đều là thật.

4) Y cứ thọ ký cho người phàm có hai thứ: a) Phật thọ ký. b) Bồ-tát thọ ký. Như Bồ-tát Thường Bất Khinh thọ ký cho bốn chúng.

Hỏi: Thường Bất Khinh đã là Bồ-tát làm sao thọ ký thành Phật ư?

Đáp: Bồ-tát không được thọ ký kiếp số thành Phật mà được thọ ký chung, vì tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Lại không có các thừa khác chỉ có Nhất thừa, nhưng đạo lý suy tìm được thọ ký thành Phật cho đến Phàm phu biết có Phật tánh Nhất thừa cũng được thọ ký cho người khác.

Hỏi: Vì sao trao kiếp số, khởi chỉ có Phật ư?

Đáp: Thành Phật là việc lớn, chẳng phải quả Phật thì không thể

thọ ký được. Lại thành Phật quyết được Phật thọ ký, vì sao? Vì thành Phật phải thấy Phật tánh rõ ràng pháp thân hiển hiện, người Thập địa trở xuống thấy Phật tánh chưa liễu pháp thân chưa hiện, nên không được thọ ký, cho đến thấy tánh rõ, pháp thân chưa hiển hiện.

Hỏi: Như Bồ-tát Thập địa biết người khác đời vị lai một kiếp cho đến mười kiếp thành Phật, vì sao không được thọ ký cho ông quá mười kiếp sẽ thành Phật ư?

Đáp: Tuy biết thành Phật xa gần cũng không được thọ ký chỉ vì thành Phật là việc lớn, phải là Phật trước Phật sau truyền cho nhau, nên phải là Phật thọ ký.

5) Hai đời thọ ký: Tự có Đức Phật tại thế vì kia mà thọ ký, tự có sau khi Đức Phật diệt độ huyền thọ ký cho người. Như Phẩm Hóa Thành Dụ nói sau khi ta diệt độ lại có đệ tử sinh ở nước khác nghe kinh Pháp Hoa được thành Phật đạo.

6) Xưa nay hai thứ: Trước chỉ thọ ký cho Bồ-tát thành Phật, chưa thọ ký cho Thanh văn. Nay cũng thọ ký cho Bồ-tát cũng thọ ký cho người Nhị thừa.

7) Thiện ác hai thứ thọ ký, v.v... không thọ ký cho Điều-đạt là người ác nay mới thọ ký.

8) Nam nữ hiện đời thành Phật, không thọ ký hiện đời thành Phật: Trước nói người nữ không được hiện thân thành Phật, nay thọ ký hiện thân thành Phật như Long Nữ, v.v...

Kế là nói ba thứ: Thọ ký: Thích luận nói: Có người tự biết được thọ ký, người khác không biết, có người khác biết thọ ký mà tự mình không biết, có khi mình và người đều biết.

Ba tạng Chân đế dịch Nhiếp Đại thừa nói ba thứ thọ ký:

1) Sẽ được thọ ký: từ ngoại phạm đến Thập hồi hướng sẽ được thành Phật.

2) Gia hạnh ký: Từ Sơ địa đến Thất địa tăng thêm các hạnh.

3) Viên mãn ký: Từ Bát địa đến Phật địa.

Lại có ba thứ:

1) Thời tiết ký: ba mươi bốn a-tăng-kỳ kiếp.

2) Tu hành ký: là tu mười độ.

3) Cứu cánh ký: Đạt đến muôn đức.

Thời tiết ký lại có ba:

1) Viễn nhân ký (nhân xa): Từ Ngoại phạm đến Thập hạnh cách xa Phật.

2) Cận nhân ký (nhân gần): Từ Thập Hồi Hướng trở lên cách Phật

gần.

3) Chí đặc ký: Từ Sơ địa trở lên đặc Pháp thân ký.

Kế là tu hành ký cũng có ba:

- 1) Hạ đạo chủng gọi là Thập tín.
- 2) Thành tựu tức ba mươi tâm.
- 3) Giải thoát sơ địa trở lên.

Kế là rốt ráo ký có bốn:

- 1) Hóa chủ.
- 2) Xứ sở.
- 3) Đại chúng.
- 4) Nói pháp.

Ba tạng lại xuất nghĩa ở Trung A-hàm và Tát bà đa nói hễ muốn đạt đến quả Phật thì phải trải qua ba a-tăng-kỳ tu hành, tăng kỳ đầu tu hành còn lui sụt làm Tiểu thừa gọi là Bất định vị. Kế là tăng kỳ thứ hai tu hành hạnh bất thoái gọi là Định vị; tăng kỳ thứ ba dứt hoặc kiến tư được thọ ký. Nay chưa biết rõ giải thích đây vì không tương ứng với Thích luận và xưa xuất nghĩa Tiểu thừa.

Kế là nói bốn thứ thọ ký: xuất xứ từ kinh Thủ Lăng-nghiêm và Thích luận còn chưa thấy bản kinh này có thể lại xem văn kinh lựa chọn. Và Thích luận có bốn:

- 1) Chưa phát tâm thọ ký.
- 2) Phát tâm thọ ký.
- 3) Không hiện tiền thọ ký cũng gọi là mật thọ ký.
- 4) Hiện tiền thọ ký.

Chưa phát tâm thọ ký có hai thứ: Trước là chúng sinh cụ phước chưa can dự thuộc về trong năm thừa thiện mà Phật huyền ký (thọ ký xa) cho kia đời vị lai thành quả Ba thừa, như Thích luận: ghi nhận việc chim bồ câu v.v... sinh ở đời vị lai tám muôn kiếp còn thọ thân chim bồ câu, sau trải qua vô số kiếp bỏ thân chim mới được thân người, phát tâm tu hành, đắc quả Bích-chi-phật.

Hỏi: Thọ ký cho loài chim này có lợi ích gì ư?

Đáp: Đối với chim không có lợi ích, Thân tử do đây mà biết trí Phật bất khả tư nghì khiến nhiều người phát tâm, Thân Tử hối hận đã chấp đạo Tiểu thừa, chỉ làm lợi ích cho người không làm lợi ích cho chim.

- Nương ý kinh Thủ Lăng nghiêm chép: Người ấy từ quá khứ lâu xa phát tâm tu hành, chỉ ở địa vị thấp, chỉ ở địa vị thấp kém như lông nhẹ gió thổi Đông Tây chưa thấu hiểu nên chưa phát tâm. Lại người

này quá khứ đã từng phát tâm, nhưng hiện tại chưa gieo trồng duyên cho nên nói chưa được phát tâm, người này từ Ngoại phàm đến thoái vị về sau. Lại nương kinh Anh lạc là người sáu tâm, y kinh Pháp Hoa là buộc châu trong chéo áo người, do kia mất đại giải nên nay thọ ký cho người ấy, gọi là chưa phát tâm thọ ký. Phát tâm thọ ký: Như quá khứ lâu xa phát tâm cho đến hiện tại phát tâm, nên gọi là phát tâm. Ý kinh Thủ-lăng-nghiêm nói xếp người này vào vị bất thoái. Ý kinh Anh lạc là người Thất tâm trở lên.

- Không hiện tiền thọ ký: Chỉ có người khác biết mà tự mình không biết nên gọi là không hiện tiền.

Hỏi: Tự mình đã không biết sao lại thọ ký?

Đáp: Nếu người ấy tự nghe thọ ký thì sinh tâm biếng nhác, nay muốn dứt nghi của người kia khiến họ sinh tâm vui mừng nên thọ ký cho người kia.

Hỏi: Người kia có nghi gì?

Đáp: Người kia thấy người ấy từ lâu tu tập lại tôn sùng kính mến Phật đạo, mà không thấy được thọ ký, nay nghe được thọ ký người kia nghe liền phát tâm.

Hiện tiền thọ ký: tức là Vô sinh nhẫn. Xưa Luận sư phương Nam nói: Người thứ ba địa vị từ Sơ địa đến Lục địa, người thứ tư địa vị Thất địa, dùng hai nghĩa làm chứng:

1) Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói người thứ ba hành sáu độ, sáu độ tức Lục địa, người thứ tư đắc vô sinh nhẫn, cho nên biết là Thất địa.

2) Các kinh và Thích luận chép: Đồng tử Bồ-tát đắc Thất địa vô sinh nhẫn, gặp Đức Phật Nhiên Đăng, mới được thọ ký, trước chưa gặp đức Nhiên Đăng còn chưa được thọ ký cho nên biết người thứ tư là Thất địa. Luận Sư Bắc phương nói: Người thứ nhất là người trước Ngoại phàm tức trước Thập tín; người thứ hai là ngoại phàm tức Bồ-tát Thập tín; người thứ ba là Bồ-tát Tam hiền tức sợ nghe thọ ký sinh phỉ báng nên không hiện tiền thọ ký, người thứ tư đặng Sơ địa nghe không sinh phỉ báng nên hiện tiền thọ ký.

Lời bình rằng: Đều có hai nghĩa chấp Lục địa chưa đắc vô sinh nhẫn cho nên chưa được vô sinh ký thành Phật thì như trước giải thích. Chấp đặng Địa đắc vô sinh thì như ở sau nói về. Thích luận nói: Sơ địa vô sinh, Thất địa vô sinh.

Hỏi: Nếu dùng giải thích trước có thể nói Lục địa còn sợ biếng nhác không hiện tiền thọ ký ư?

Đáp: Không chấp nhận nghĩa này chỉ nói Lục địa chưa đắc vô

sinh nhân cho nên chưa được vô sinh ký, do đó mà không hiện tiền thọ ký Bồ-tát Lục địa vô sinh ký thành Phật. Nếu sợ biếng nhác y theo giải thích sau. Lại luận Nhiếp Đại Thừa nói Lục địa gọi là Hữu tướng địa cũng được căn cứ nghĩa này là biếng nhác.

Hỏi: Thọ ký cho Thanh văn cũng có bốn thứ phải không?

Đáp: Theo kinh Pháp Hoa nói cũng có bốn thứ: Thường Bất Khinh thọ ký bốn chúng, gọi là chưa phát tâm mà thọ ký vì bốn chúng chưa phát tâm Bồ-đề.

Lại nữa Phẩm Hóa Thành Dụ nói: Sau khi ta diệt độ lại có đệ tử, không nghe kinh này tự đối với công đức của mình nghĩ là diệt độ sẽ nhập Niết-bàn, ta ở các cõi khác thành Phật vì nói kinh này khiến cho họ phát tâm thành Phật, đó gọi là chưa phát tâm thọ ký tức dùng văn này, lại không hiện tiền thọ ký. Phát tâm thọ ký: căn cứ tích nói: Người ba căn Thanh văn đều phát tâm Bồ-đề tin hiểu Nhất thừa cho nên được thọ ký. Hiện tiền thọ ký: Quyển thứ tư nói: một ngàn hai trăm vị La-hán ấy nay Ta hiện tiền thứ lớp thọ ký cho.

Kế là nói nghĩa năm thứ Thanh văn được thọ ký, không được thọ ký:

- 1) Thanh văn lui Đại học Tiểu như Thân tử.
- 2) Thanh văn phát tâm học Tiểu thừa.
- 3) Dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe.
- 4) Trong ẩn Hạnh Bồ-tát, ngoài hiện tướng Thanh văn.
- 5) Thanh văn tăng thượng mạn.

Trong Thanh văn tăng thượng mạn lại có hai:

1) Đắc Tứ thiên nghĩa là đắc Tứ quả như Thích luận nêu ra đắc Sơ thiên gọi là đắc Sơ quả cho đến đắc Tứ thiên gọi là đắc Tứ quả.

2) Không hẳn đắc thiên, chỉ nghiêng về tu quán nhằm chán. Tam độc không khởi gọi là đắc La-hán. Kế là nói được thọ ký, không được thọ ký: Nếu Thanh văn lui đại làm tiểu y cứ về địa vị nói về là người Lục tâm trở xuống chỉ là chưa phát tâm thọ ký Thanh văn. Nếu phát tâm học Tiểu cũng là chưa phát tâm thọ ký; nhưng hai người này hơn kém khác nhau. Người đầu đã từng phát tâm, chỉ vì phát tâm chưa thành tựu nên gọi là chưa phát tâm. Người thứ hai đều chưa phát tâm. Nếu người thứ ba dùng âm thanh Phật đạo khiến cho tất cả đều nghe thì người này địa vị đã thông từ Sơ phát tâm đến quả Phật đều là Thanh văn. Nếu người trung căn lãnh giải tự xưng là dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe, người này chính là xếp vào nghĩa vị bất thoái, thuộc phát tâm thọ ký. Trong ẩn Hạnh Bồ-tát, vị này cũng thông từ vị bất thoái trở

lên đều có khả năng có việc này, mà chọn đấng Địa trở đi các người này có hiện tiền đắc thọ ký.

Tăng thượng mạn Thanh văn có ba hạng người:

1) Vừa được nghe kinh vừa được thọ ký, như Bồ-tát Thường Bất Khinh vì hàng Thanh văn tăng thượng mạn nói kinh Pháp Hoa và thọ ký cho, đây là chưa phát tâm thọ ký.

2) Không được nghe kinh không được thọ ký, như Thích luận nêu ra đấng Tứ thiên, người này khi chết đi đọa vào ngục Vô Gián.

3) Được nghe loáng thoáng mà không được thọ ký, tức năm ngàn người được nghe nói lược mà không được thọ ký.

Hỏi: Ba hạng Thanh văn tăng thượng mạn này vì sao có hơn kém?

Đáp: Gặp Bồ-tát Thường Bất Khinh lúc mới chê bai sau tin, lúc mới chê bai nên đọa vào ngục Vô Gián sau tin nên chứng đắc địa vị Bồ-tát. Như văn kinh nêu ra năm ngàn người, nói thẳng đứng dậy đi không nói chê bai, chọn kia nghĩa không chê bai thì hơn, không nghe pháp thì kém. Ban đầu người nghe kinh cho nên hơn, chê bai cho nên kém. Lại lúc mới người nghe kinh hay không nghe kinh đều chê bai, kể người nghe kinh thì chê bai, không nghe thì không chê bai cho nên người lúc mới kém, người thứ hai hơn. Lại người lúc mới phần nhiều là người thực hành, năm ngàn người phần nhiều là người biến hóa, người thứ ba khi chết sinh tà kiến, chê bai không có Thánh đạo, người này chẳng những chê bai Tiểu mà còn chê bai Đại thừa, hai người trước chỉ chê bai đại không chê bai tiểu. Căn cứ nghĩa này thì hai người trước là hơn, người sau là kém, lại người thứ ba chỉ đọa vào ngục Vô Gián một kiếp, người đầu chịu khổ ngàn kiếp, thì người đầu là kém, người sau là hơn.

Về sau thấy luận nói bốn thứ Thanh văn:

- 1) Quyết định Thanh văn.
- 2) Tăng thượng mạn Thanh văn.
- 3) Thoái tâm Bồ-đề Thanh văn.
- 4) Ứng hóa Thanh văn.

Quyết định Thanh văn: tức là vốn học Tiểu thừa tu hành chứng được bốn quả nên gọi là quyết định Thanh văn. Tăng Thượng mạn Thanh văn: không đắc bốn quả mà vọng cho là đã đắc, hai dạng này là đắc Tiểu thừa không đắc Nhị thừa. Thoái Đại là Tiểu và ứng hóa là kế, hai hạng này trong Đại thừa nói đắc thất nên có hai. Bốn hạng này thấu nhiếp tất cả Thanh văn, không trái với năm thứ trên, chỉ có rộng lược là khác. Luận nói được thọ ký, không được thọ ký tức thoái tâm Bồ-

đề và Ứng hóa, hai hạng người này được thọ ký, Quyết định và Tăng Thượng mạn Thanh văn, hai hạng người này căn tánh chưa thuần thực nên không thọ ký.

Hỏi: Đây giải thích trái với trước ư?

Đáp: Không trái nhau. Ý luận giải thích người ba căn được thọ ký đều là hạng thoái Đại và Ứng hóa được thọ ký, trong đó người không thực hành được hiện tiền thọ ký.

Hỏi: Người không thực hành được thọ ký: Bồ-tát Thường Bất Khinh thọ ký cho bốn chúng là những người nào?

Đáp: Luận nói Phương Tiện khiến kia phát tâm đây là thọ ký cho người thực hành.

Hỏi: Nếu vậy vì sao trước nói người thực hành không được thọ ký ư?

Đáp: Trước nói không được như người ba căn trong đây hiện tiền được thọ ký kiếp số. Chẳng phải không có thông ký vì đồng có Phật tánh mà được thọ ký, tức cùng tất cả chúng sinh được thọ ký. Người Ba căn căn cứ theo môn duyên nhân thọ ký, Thường Bất Khinh căn cứ theo môn chánh nhân thọ ký, nghĩa đều có khác.

Hỏi: Có người nào thực hành được thọ ký kiếp số hay không?

Đáp: Có lợi ích thì thọ ký, nghĩa cũng được. Luận nói năm thứ thọ ký:

1) Thân tử Ca-diếp danh hiệu khác nhau, lại vì mọi người đều biết cho nên thọ ký.

2) 500 người Phú lâu na v.v... và 1hại trăm người v.v... đồng một tên cho nên đồng thời được thọ ký.

3) Học vô học đều đồng một tên chẳng phải mọi người đều biết cho nên đồng thời được thọ ký.

4) Thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa, nêu bày Như lai không có tâm ghét kẻ ác.

5) Thọ ký cho Tỳ-kheo-ni và Long nữ, là nói người nữ dù tại gia hay xuất gia tu Hạnh Bồ-tát đều chứng quả Phật. Luận trực kế nói Kinh Pháp Hoa từ đầu đến cuối thọ ký cho năm hạng người khác nhau nhau. Kế là nói thọ ký theo chiều rộng: Bất cứ một người nào đều đắc hai thứ thọ ký như ba căn Thanh văn Phát tâm Bồ-đề cho nên gọi là phát tâm thọ ký, từ Đức Phật thọ gọi là hiện tiền thọ ký. Thanh văn Tăng Thượng mạn tức là chưa phát tâm Bồ-đề được thọ ký, gọi là chưa phát tâm thọ ký. Trực kế là Thường Bất Khinh nghe kinh là hiện tiền thọ ký, theo nghĩa như thế có thể hiểu thêm.

Kế là nói bốn thứ ký nhiếp pháp. Hỏi: Thọ ký vì sao không nhiều, không ít mà chỉ lập bốn thứ?

Đáp: Nói theo địa vị thì nhiếp thu hết các thọ ký, chưa phát tâm thọ ký từ cụ phược phạm phu đến Lục tâm là vị thoái; phát tâm thọ ký từ Thất tâm trở lên ba mươi tâm, không hiện tiền Sơ địa đến Lục địa, hiện tiền từ Thất địa đến Thập địa. Lại chưa phát tâm là người trước. Ngoại phạm, phát tâm mới nhập địa vị ngoại phạm, không hiện tiền là nội phạm ba mươi tâm, hiện tiền là đẳng Địa đến Thập địa thâm nhiếp địa vị cùng khắp cho nên chỉ nói bốn thứ.

Lại tạo hai thứ thành cặp thu nhiếp:

1) Phát tâm, chưa phát tâm một cặp nhiếp hết các thọ ký, tự có người chưa phát tâm được thọ ký, tự có người đã phát tâm được thọ ký, chưa phát tâm được thọ ký như chim bồ câu, đã phát tâm được thọ ký là từ phát tâm trở lên đến Thập địa đều thuộc về.

2) Hiện tiền không hiện tiền một cặp, tự có không hiện tiền mà thọ ký, tự mình tuy không lợi ích mà có thể lợi ích cho người, tự có hiện tiền mà được thọ ký, hoặc có thể tự lợi mình mà không lợi người, hoặc mình và người đều được lợi ích, đây cũng thâm nhiếp hết các thọ ký.

Kế là nói chín thứ thọ ký: tức là thọ ký cho chúng sinh trong chín đường nghĩa là Ba thừa và sáu đường. Kế là nói mười thứ thọ ký, như trong phẩm Ly thế gian trong kinh Hoa Nghiêm chép:

Kế là nói bốn câu: Trước có phát tâm sau mới được thọ ký, sau phát tâm trước được thọ ký, trước phát tâm trước được thọ ký, sau phát tâm sau được thọ ký. Lại trước phát tâm sau được thành Phật, sau phát tâm trước thành Phật, như Đức Phật Thích-ca, đức Di-lặc v.v... dễ hiểu. Kế là trong Pháp Hoa nói Đại Tiểu bốn câu ràng buộc lẫn nhau:

1) Tiểu thừa không hơn kém, Đại thừa có hơn kém, như năm trăm người đều là bậc A-la-hán nên Tiểu thừa không có hơn kém. năm trăm người chuyển thứ lớp thọ ký thành Phật trước sau lại có hơn kém.

2) Tiểu thừa có hơn kém Đại thừa không hơn kém, như hai ngàn người Hữu Học, Vô học, hai ngàn người Hữu học và Vô học nên có hơn kém, đồng thời thành Phật nên không hơn kém.

3) Tiểu thừa kém Đại thừa hơn, như A Nan đắc Sơ quả mà trước thành Phật, tức Tiểu hơn Đại kém như La Hưu La đắc La-hán, sau thành Phật.

4) Giải thích phẩm Ngũ bách Đệ Tử và Hữu Học, Vô học thọ ký rồi.

Lại bốn câu:

1) Đồng là Vô học được thọ ký có trước sau, như người ba căn La-hán, v.v...

2) Đồng là Vô học đồng thời được thọ ký, như năm trăm La-hán.

3) Hữu Học, Vô học khác nhau mà đồng thời được thọ ký, như hai ngàn người.

4) Có Hữu học, Vô học khác nhau, được thọ ký trước sau cũng khác nhau như A-nan, La-hầu-la, v.v... bốn câu này thâm nhiếp chung ba câu.

Kế là phân biệt Đại thừa, Tiểu thừa: Hỏi: Kinh Đại thừa Tiểu thừa đều có chín bộ, vì sao Tiểu thừa chín bộ không được thọ ký, Đại thừa chín bộ có thọ ký ư?

Đáp: Thọ ký chính nói thành Phật, thành Phật là Đại thừa chánh tông cho nên Đại thừa chín bộ rõ ràng, Tiểu thừa thọ ký chẳng phải Tiểu thừa chánh tông cho nên Tiểu thừa chín bộ không nói. Sở dĩ trong Pháp Hoa nói chín bộ chỉ vì hướng đến Niết-bàn.

Hỏi: Nước ngoài gọi là Hòa-già-la, Hán dịch là thọ ký, vì sao luận Thành thật đồng, dùng tên này mà nói là giải nghĩa kinh ư!

Đáp: Sư Thành thật luận hợp hai tên gọi giải nghĩa thọ ký vì thế gọi là giải nghĩa, dẫn văn luận kia nói bốn câu tức là giải nghĩa thọ ký. Nay nói không như vậy do thọ ký chẳng phải Tiểu thừa chánh tông, luận Tiểu thừa không có danh từ nói thọ ký. Vì sao biết? Vì Đại Niết-bàn giải thọ ký kinh dẫn việc A-dật-đa thành Phật cho nên biết như vậy.

Hỏi: Thọ ký là một nghĩa đó thôi ư! Vì sao trong mười hai bộ dùng thọ ký làm một bộ kinh ư?

Đáp: Thọ ký tuy là một nghĩa mà vì A-dật-đa thành Phật là việc lớn, lại thọ ký cho chúng sinh trong chín đường cũng là việc lớn cho nên có thể làm một bộ.

Hỏi: là Năng ký gọi là ký hay sở ký gọi là ký, hay năng sở hợp nói ký ư?

Đáp: Kinh thọ ký chính chọn văn lời làm kinh cho nên dùng năng ký gọi là ký, lại bản ký gọi người trước thành Phật lại chọn sở ký, gọi là ký như Mục Liên thọ ký . . . hai thứ đồng ba năng sở hợp gọi là để biết.

Kế là giải thích nghĩa Hóa thành.

Hỏi: Ba xe, hóa thành đã đồng là quyền, hai phẩm ý sau có gì khác nhau không?

Đáp: Trong phần xin xe đã nói, các ý khác chưa tận cùng, lại trình bày tướng kia chỉ nói Thanh văn có hai hạng:

1) Phát tâm học Tiểu thừa.

2) Thoái Đại làm tiểu. Ba xe là phát hướng cho người Hữu Học,

Tiểu thừa, khiến vượt ngoài ba cõi về đấng Ba thừa. Như Dự Hóa Thành là người thoái Đại làm Tiểu thừa vốn cầu Phật thừa, sợ Phật đạo lâu xa muốn lui sụt thọ sự an vui của cõi trời người cho nên giữa đường dừng nghỉ nói hai thứ Niết-bàn, nhưng luận chung cả hai vẫn đều bao gồm với hai nghĩa, lấy ý chính thì như trước đã nói.

Hỏi: Phẩm Phương Tiện nói nghĩa gì?

Đáp: Đây đủ bao gồm hai nghĩa, mà chính chọn ý đầu, do đó ba châu nói pháp có thể làm hai trường hợp: hai châu nói pháp chính là phát tâm Thanh văn, học Tiểu, hai châu lãnh giải cũng như vậy, châu thứ ba nói pháp chính là Thanh văn thoái Đại học Tiểu, lãnh giải cũng như vậy.

Hỏi: Trước nên vì người Thanh văn thoái Đại chọn Tiểu mà nói, vì sao trước vì người phát tâm học Tiểu thừa mà nói ư?

Đáp: Người Hữu Học Tiểu thừa bệnh chấp nặng cho nên trước cần bác bỏ nên lúc mới vì họ nói.

Hỏi: Thân tử đều là người thoái Đại chấp Tiểu cho nên nói ở chỗ ba muôn ức Phật tu học Đại thừa thì biết trước là người thoái Đại chọn Tiểu ư?

Đáp: Thân tử là người quyền hành vì dẫn người phát tâm học Tiểu thực hành cho nên trước đối Thân tử, Như Nhiếp Đại Thừa Luận nói: Thân tử hóa nhân đã đắc thọ ký, khiến người chưa định nhập Nhị thừa chánh vị sửa đổi hạnh Tiểu thừa, đã nhập chánh vị khiến kia luyện căn học đạo Bồ-tát.

Hỏi: Trước nói năm thứ Thanh văn nay vì sao chỉ nói hai thứ?

Đáp: Tuy có năm thứ Thanh văn nhưng Pháp Hoa giáo khởi chánh vị hai hạng người, để người phát tâm học tiểu khiến bỏ Tiểu mà tin Đại, người thoái Đại làm Tiểu cũng khiến trở về học Đại. Cho nên, chỉ vì hai hạng người ấy. Người quyền hành chính là muốn dẫn dụ hai hạng người này cho nên không cần làm. Dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe tức là hai người trước đắc ngộ, có khả năng dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe là đã xong, cũng không cần làm. Người tăng thượng mạn sợ giáo không thọ như chúng năm ngàn người, đây là chưa thể làm.

Hỏi: Hai người này đắc ngộ có sâu cạn hay không?

Đáp: Người đầu chỉ được tin lời Phật, người thứ hai tùy địa vị cạn sâu.

Hỏi: Hóa thành cùng ba xe có gì khác nhau?

Đáp: Nói thẳng ba xe thì thông, xưa nay, nếu nói hóa thành chỉ là

giáo nay, trước chưa nói hóa.

Hỏi: Căn cứ thí mà nói có gì khác nhau không?

Đáp: làm ba xe này nêu nói pháp luân làm thí dụ, nếu là hóa thành dùng thần thông luân làm thí dụ. Vì sao biết? Vì Trưởng giả đối chỉ ngoài cửa có ba xe nên biết là thí dụ nói pháp luân, hóa thành thì nói đạo sư dùng thần thông lực hóa làm thành lớn thì dùng thông luân làm thí dụ. Lại ba xe dùng âm thanh làm thí dụ, Hóa thành thì nêu sắc làm thí dụ, Các con chỉ tai nghe xe mà mắt không thấy cho nên nêu âm thanh làm thí dụ, mọi người mắt thấy thành nên nêu sắc thí dụ. Nhưng trong thành thí dụ chẳng phải không có tiếng như đạo sư vỗ về cho đến nhóm chúng khuyển bảo đều là tiếng. Trong dụ xe chẳng phải không có sắc, như Trưởng giả chỉ ngoài cửa nêu bày ba xe kia tức là sắc, chỉ vì thành căn cứ mắt thấy xe căn cứ tai nghe như ý chính ở trước.

Hỏi: Đã nêu hai luân làm thí dụ có việc hai luân không?

Đáp: hai thí dụ đều do Phật nói, nhưng nói pháp luân không có việc hiện thần thông, cho nên chẳng phải thần thông.

Hỏi: Ba xe và hóa thành có gì khác nhau không?

Đáp: Trước đã giải thích chưa hết nay lại có căn cứ này chia thành bốn câu:

- 1) Thật mà chẳng quyền, nghĩa là một xe lớn.
- 2) Quyền mà chẳng thật, nghĩa là hai sứ giả và hóa thành.
- 3) Vừa quyền vừa thật nghĩa là ba xe, đối một nói ba nên gọi là quyền, hai thứ còn lại chẳng thật chỉ có một là thật nên gọi là thật.
- 4) Chẳng quyền chẳng thật là trước, tuy có ba câu mà chỉ thành hai câu quyền thật. Quyền thật là nghĩa nhân duyên cho nên quyền thật thì không thật, thật quyền thì chẳng quyền, nói thẳng quyền thật rõ ràng mà chưa hợp quyền thật tức câu thứ tư. Lại căn cứ năm thừa, thừa trời người chẳng phải Nhất thừa cho nên chẳng thật, chẳng phải Ba thừa, cho nên chẳng quyền làm câu thứ tư.

Hỏi: Hai sứ giả và thành có gì khác nhau?

Đáp: Trước đã giải thích chưa hết lại trình bày kế:

1) Sứ giả căn cứ người làm thí dụ, người năng chỉ bày phải trái như giáo năng thuyết giảng lý tà, chánh, thành dùng pháp làm thí dụ chỉ nói dừng nghỉ.

2) Người sai khiến (Sứ giả) động, mà thành tĩnh, khiến động dụ nói giáo hợp duyên, thành tĩnh chọn an ổn không lo lắng.

3) Người sai khiến dụ cho giáo, một thành dụ cho lý.

4) Sứ giả có hai tức bốn đế, mười hai nhân duyên, thành thì chỉ có

một hai trí không khác nhau, hai Niết-bàn không khác.

Hỏi: Nhị thừa, hai trí có gì khác nhau vì sao không khác? Lại nhập vô dư không khác, Hữu dư có khác vì sao không khác ư?

Đáp: Có thể so với cả hai thể chấp kia đồng đặc hai trí, đồng đặc nhị Niết-bàn cho nên nói không khác, đây có thể thí dụ một thành; chấp hai trí kia khác nhau hữu dư khác nhau thì dụ hai giáo sâu cạn như hai xe xấu đẹp.

5) Hai sứ giả chỉ ở trong nhân vào thành lên xe đều y cứ quả địa.

6) Hai sứ giả dụ cho giáo môn giải thích chung nhân quả, thành xe thì chỉ ở quả môn.

7) Hai giáo giải thích làm vô vi, mà chỉ thể là hữu vi, thành xe chung làm vô vi.

8) Thành thì là không có, sứ giả thì gọi là có, thật ra không có quả Tiểu thừa rốt ráo nên gọi là không có, hóa ra vô giáo là Phật nói mà chẳng có gì không phải Phật giáo nên nói là có.

Hỏi: Đã thật không có quả rốt ráo mà quyền nói có thì cũng thật không có Tiểu thừa giáo cũng quyền nói có Tiểu thừa giáo nghĩa này ngang nhau, vì sao không theo lệ ư?

Đáp: Chẳng phải không có Phật nói giáo, vì hợp tiểu giáo quy về một Đại giáo nên nói ta đối với chín bộ pháp này tùy theo chúng sinh mà nói, nhập Đại thừa làm gốc cho nên giáo có. Quả rốt ráo đã không có, không thể hội quy một quả, như không thể từ Hóa thành về đảo châu báu.

Hỏi: Nếu quả không có, không thể hội thì trí dứt không có, lẽ ra không thể hội sao lại nói các ông hành đạo Bồ-tát ư?

Đáp: Có thể suy tìm kỹ ý chỉ kia, trí dứt này có thể trông mong hai điều, nếu nói trí dứt rốt ráo đây thì không có nên chẳng thể hội mà có trí dứt này không rốt ráo thích hợp quy Nhất thừa cho nên nói các ông hành đạo Bồ-tát.

Luận giải thích rằng: việc các ông làm là đạo Bồ-tát nghĩa là trước phát tâm Bồ-đề rồi lui sụt, rồi lại phát tâm tu hành như trước, gốc lành không mất đồng sau đắc quả, nên ý này nói chọn gốc lành tâm Bồ-đề nên hành đạo Bồ-tát. Trí Nhị thừa dứt đều là duyên xa của đạo Bồ-tát, thiện căn trời người cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao không nói các ông thực hành quả Bồ-tát ư?

Đáp: Nhị thừa chính gọi là quả mà chẳng phải đạo, nay bác bỏ bệnh này nên gọi là đạo chẳng phải quả. Đạo nghĩa là nhân, các ông thực hành hoặc nhân hoặc quả đều là đạo Bồ-tát.

Hỏi: Bồ-tát có quả như trong Tín Giải nói: nay ta đắc đạo đắc quả. Đại Phẩm nói: Hữu pháp là đạo Bồ-tát, vô pháp là Bồ-tát quả, vì sao không nói các ông thực hành quả Bồ-tát ư? Đáp: Căn cứ nghĩa này cũng được, chỉ vì ở đây nói đạo là chọn Bồ-tát, hoặc quả hoặc đạo đối với Phật đều là nhân, tất cả đều là đạo, cho nên nói đạo Bồ-tát.

